

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Thùy.

Bà Phan Thị Trang Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Hồng T, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Phú Y, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Hồng T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Bùi Hồng T và ông Lê Phú Y có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2008. Hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N ngày 17 tháng 11 năm 2008.

Lý do ly hôn: Sau khi cưới thì bà T làm dâu cho cha mẹ chồng, đến năm 2011 vợ chồng mới ra sống riêng. Trong thời gian này phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Y hay đi chơi, không chăm lo cho vợ con, vợ chồng xảy ra cự cãi dẫn đến xô sát nhưng thương các con còn nhỏ nên bà T cho ông Y cơ hội sửa đổi. Đến đầu năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, ông Y thường đi đá gà, đánh bài, kinh tế gia đình do bà T lo liệu. Bà T khuyên nhủ nhưng ông Y vẫn không sửa đổi mà còn xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà nhiều lần. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Lê Phú Y.

- Về nuôi con chung: Bà T xác định có hai người con chung;

1/ Lê Gia H, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2009 (nam);

2/ Lê Nhã T, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 (nữ), khi ly hôn bà T giao hết hai người con cho ông Y trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 16 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Lê Phú Y trình bày:

- Về hôn nhân: Thời gian kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như bà T trình bày. Vào tháng 10 năm 2008 ông Y và bà T sau thời gian tìm hiểu đã kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N.

Lúc đầu chung sống hôn nhân hạnh phúc. Đến ngày 06 tháng 3 năm 2018 (âm lịch) thì phát sinh mâu thuẫn, bà T bỏ nhà đi từ đó đến nay. Ông Y thừa nhận thời gian qua ông không chăm sóc cho vợ con, nay đã biết lỗi lầm và mong bà T cho cơ hội để vợ chồng hàn gắn hôn nhân. Thời gian vợ chồng sống ly thân bà T thuê nhà trọ sống riêng, ông Y sống tại nhà chung của vợ chồng tại ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Ông Y nhiều lần tìm kiếm bà T nhưng không gặp, ông Y có nhắn tin cho bà T để hàn gắn hôn nhân nhưng bà không trả lời và không đồng ý quay về. Qua yêu cầu ly hôn của bà T, ông Y không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà T.

- Về nuôi con chung: Ông Y xác định có hai người con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2009 (nam) và Lê Nhã T, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 (nữ), các người con đang sống với ông Y; trường hợp ly hôn ông Y đồng ý nuôi hết hai người con, việc cấp dưỡng cho con tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà T cương quyết ly hôn với ông Y; các người con đang sống với ông Y, khi ly hôn bà T giao hết hai người con cho ông Y tiếp tục nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Y không đồng ý ly hôn, đồng ý nuôi hết hai người con, ông Y không yêu cầu bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bà Bùi Hồng T yêu cầu ly hôn với ông Lê Phú Y là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của

Bộ luật tố tụng dân sự; ông Y cư trú tại ấp 5, xã H, huyện N nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Năm 2008 bà Bùi Hồng T và ông Lê Phú Y có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số: 01/2008 ngày 17 tháng 11 năm 2008. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Bùi Hồng T và ông Lê Phú Y được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông Y có những bất hòa không thể hàn gắn được, bà T và ông Y đều xác định thời gian qua ông không chăm lo cho vợ con, vợ chồng sống ly thân từ ngày 06 tháng 3 năm 2018 đến nay.

Trong thời gian ly thân ông Y nhiều lần tìm kiếm bà T nhưng không gặp, ông có nhắn tin cho bà T về đề hàn gắn hôn nhân nhưng bà không trả lời và không đồng ý quay về. Qua yêu cầu ly hôn của bà T, ông Y không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà T. Bà T cương quyết ly hôn vì đã cho ông Y cơ hội để hàn gắn hôn nhân nhưng ông Y không sửa đổi, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến mất hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống ly thân giữa bà T và ông Y cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn hôn nhân, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Y đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Hồng T đối với ông Lê Phú Y theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Bà T và ông Y xác định có hai người con;

+ Lê Gia H, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2009 (nam);

+ Lê Nhã T, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 (nữ),

Các người con đang sống với ông Y. Khi ly hôn, bà T và ông Y thống nhất giao Gia H và Nhã T cho ông Y trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Bùi Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Bùi Hồng T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Hồng T đối với ông Lê Phú Y.

2. Về nuôi con chung: Bà T và ông Y xác định có hai người con;

+ Lê Gia H, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2009 (nam);

+ Lê Nhã T, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 (nữ),

Các người con đang sống với ông Y. Khi ly hôn, bà T và ông Y thống nhất giao Gia H và Nhã T cho ông Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Bùi Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Bùi Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015939 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền

